

Số: 21/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 13 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa: Chị Hà Thị D, địa chỉ: Tiểu khu P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La và anh Lữ Văn L, địa chỉ: Tiểu khu P, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị D và anh Lữ Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Lữ Hà Duy A, sinh ngày 18/5/2010 và cháu Lữ Hà Anh D, sinh ngày 04/02/2016 cho chị Hà Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lữ Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lữ Hà Anh D mỗi tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng

tính từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Lữ Hà Anh D trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh Lữ Văn L được quyền đi lại thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Hà Thị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) trong đó án phí ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0002479 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV Tòa án tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA huyện B;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Cầm Ngọc Thương